

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13684** /NHNN-CSTT
V/v gửi báo cáo tạm thời bằng

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm 2007

RECEIVED
02 JAN 2008

Kính gửi: - Các tổ chức tín dụng
- Các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố
trực thuộc trung ương

BY: *Scan*

Trong năm 2007, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các Quyết định sửa đổi bổ sung một số nội dung liên quan đến các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng (Quyết định 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19/01/2007) và phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007). Đồng thời, hiện nay tín dụng của hệ thống Ngân hàng đang tăng trưởng mạnh, đặt biệt trong các lĩnh vực tiêu dùng, bất động sản, cho vay xuất nhập khẩu. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu thông tin cho công tác chỉ đạo, điều hành của Ngân hàng Nhà nước, trong thời gian chờ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 477/2004/QĐ-NHNN ngày 28/4/2004 và Quyết định 1747/2005/QĐ-NHNN ngày 01/12/2005, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu:

1. Các tổ chức tín dụng thực hiện gửi báo cáo tạm thời bằng văn bản một số mẫu biểu sau đây:

- Biểu số 01/CNH “Báo cáo phân loại nợ”
- Biểu số 02/CNH “Báo cáo tình hình trích lập và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng”
- Biểu số 03/CNH “Báo cáo tình hình thực hiện một số tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng”
- Biểu số 04/CSTT “Báo cáo cho vay tiêu dùng cá nhân và cho vay đầu tư nhà ở của tổ chức kinh tế”
- Biểu số 05/CSTT “Báo cáo cho vay xuất- nhập khẩu”

Đối tượng báo cáo, định kỳ báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, đơn vị nhận báo cáo và hướng dẫn lập các báo cáo nêu trên được quy định cụ thể tại các mẫu biểu đính kèm công văn này.

2. Nội dung các nhóm nợ báo cáo theo các chỉ tiêu thuộc nhóm 1A.1, 1A.3, 1A.5, 1B.1, 1B.3, 1B.5, 1C.2, 1E được thực hiện phân loại theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, không áp dụng

phân loại nhóm nợ theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Quyết định 1747/2005/QĐ-NHNN.

3. Các tổ chức tín dụng không phải báo cáo các chỉ tiêu thuộc nhóm 9A.2, 9A.3 quy định tại Phụ lục 1 của Quyết định 1747/2005/QĐ-NHNN.

4. Các ngân hàng thương mại không phải thực hiện báo cáo Mẫu 01-BĐS theo yêu cầu tại công văn 1676/NHNN-CSTT ngày 9/3/2006 về cho vay đối với lĩnh vực bất động sản kể từ ngày ban hành công văn này.

5. Thay định kỳ báo cáo 6 tháng và cả năm áp dụng đối với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nêu tại công văn 1676/NHNN-CSTT ngày 9/3/2006 về cho vay đối với lĩnh vực bất động sản bằng định kỳ báo cáo quý. Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 30 tháng tiếp theo ngay sau quý báo cáo, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ) về tình hình hoạt động cho vay bất động sản và diễn biến thị trường bất động sản trên địa bàn trong quý báo cáo và các số liệu liên quan theo Mẫu 02-BĐS đính kèm công văn 1676/NHNN-CSTT.

6. Các tổ chức tín dụng không phải thực hiện báo cáo Biểu số 04 “Tình hình tiền gửi của tổ chức và người không cư trú” theo yêu cầu tại công văn 3224/NHNN-CSTT ngày 10/04/2007 về việc báo cáo về tình hình cho vay đầu tư chứng khoán, cầm cố chứng khoán và dòng vốn đầu tư nước ngoài kể từ ngày ban hành công văn này.

Các yêu cầu báo cáo nêu tại công văn này được áp dụng để báo cáo số liệu bắt đầu từ báo cáo quý IV/2007 và sẽ hết hiệu lực sau khi Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định 477/2004/QĐ-NHNN và Quyết định 1747/2005/QĐ-NHNN hoặc khi có chỉ đạo khác về vấn đề này.

Nơi nhận

- Như đề gửi;
- Ban lãnh đạo NHNN (để báo cáo);
- Các Vụ: Các NH, Thanh tra NHNN, Tín dụng, Các TCTD hợp tác;
- Lưu VP, CSTT (VT, TK).

K/ THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN

(Tên TCTD báo cáo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**BÁO CÁO**PHÂN LOẠI NỢ
(Quý năm 200...)

Kính gửi: Vụ Các ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước

Đơn vị tính: triệu Đồng

STT	Tên chỉ tiêu	Số dư
1	Nợ nhóm 1 (nợ đủ tiêu chuẩn)	
2	Các khoản nợ nhóm 1 cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro	
3	Nợ nhóm 2 (nợ cần chú ý)	
4	Các khoản nợ nhóm 2 cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro	
5	Nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn)	
6	Các khoản nợ nhóm 3 cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro	
7	Nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ)	
8	Các khoản nợ nhóm 4 cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro	
9	Nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn)	
10	Các khoản nợ nhóm 5 cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác của bên thứ ba mà bên thứ ba chịu rủi ro	
11	Tổng dư nợ = (1) + (3) + (5) + (7) + (9)	
12	Các Cam kết ngoại bảng phân loại vào nhóm 1	
13	Các Cam kết ngoại bảng phân loại vào nhóm 2	
14	Các Cam kết ngoại bảng phân loại vào nhóm 3	
15	Các Cam kết ngoại bảng phân loại vào nhóm 4	
16	Các Cam kết ngoại bảng phân loại vào nhóm 5	

....., ngày tháng năm 200...

Người lập báo cáo
(ghi rõ họ tên)Người kiểm soát
(ghi rõ họ tên)Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn lập Biểu số 01/CNH:

1. Đối tượng báo cáo:

- Các TCTD (trừ Ngân hàng CSXH)

- Trường hợp ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, trong đó có một chi nhánh (gọi là Chi nhánh đầu mối) được ngân hàng nước ngoài ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó tại Việt Nam (theo qui định tại Điều 37 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP) thì Chi nhánh đầu mối có trách nhiệm thực hiện báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh không phải Chi nhánh đầu mối thì không phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Các ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước

3. Thời hạn gửi báo cáo:

- Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo, trụ sở chính của TCTD tổng hợp số liệu của toàn hệ thống (nếu là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì tổng hợp số liệu của tất cả các chi nhánh trong cùng hệ thống) gửi báo cáo cho **Vụ Các Ngân hàng**.

4. Hướng dẫn báo cáo:

- Các chỉ tiêu báo cáo của biểu này phản ánh số dư cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo.

- Nội dung các nhóm nợ được phân loại theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 và sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị liên hệ trực tiếp với Vụ Các ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước) qua số điện thoại: 04- 8269906 để xử lý. *MA*

(Tên TCTD báo cáo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Tình hình trích lập và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro tín dụng
trong hoạt động ngân hàng**

(Quý năm 200...)

Kính gửi: Vụ Các ngân hàng- Ngân hàng Nhà nước

Đơn vị tính: triệu Đồng

<i>STT</i>	<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số tiền</i>
1	Dự phòng chung phải trích trong quý báo cáo	
2	Dự phòng chung thực trích trong quý báo cáo	
3	Dự phòng cụ thể phải trích trong quý báo cáo	
4	Dự phòng cụ thể thực trích trong quý báo cáo	
5	Số tiền dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	
6.	Số tiền dự phòng còn lại sau khi xử lý rủi ro tín dụng	
7.	Số tiền thu hồi được của các khoản nợ đã xử lý rủi ro tín dụng	
8	Tổng số tiền đã xử lý rủi ro tín dụng nhưng chưa thu hồi được đến thời điểm báo cáo (số lũy kế)	

....., ngày tháng năm 200...

Người lập báo cáo
(ghi rõ họ tên)Người kiểm soát
(ghi rõ họ tên)Tổng Giám đốc (Giám đốc)
(ghi rõ họ tên)**Hướng dẫn lập Biểu số 02/CNH :****1. Đối tượng báo cáo:**

- Các TCTD (trừ Ngân hàng CSXH)

- Trường hợp ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, trong đó có một chi nhánh (gọi là Chi nhánh đầu mối) được ngân hàng nước ngoài ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó tại Việt Nam (theo qui định tại Điều 37 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP) thì Chi nhánh đầu mối có trách nhiệm thực hiện báo

cáo cho Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh không phải Chi nhánh đầu mối thì không phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Các ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

- Định kỳ hàng quý, chậm nhất vào ngày 15 tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo, trụ sở chính của TCTD tổng hợp số liệu của toàn hệ thống (nếu là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì tổng hợp số liệu của tất cả các chi nhánh trong cùng hệ thống) gửi báo cáo cho Vụ Các Ngân hàng.

4. Hướng dẫn báo cáo:

- Đơn vị tính: quy đổi ra đồng Việt Nam.

- **Chỉ tiêu 1:** Phản ánh tổng số tiền dự phòng chung TCTD phải trích lập trong quý báo cáo theo quy định tại Điều 9, Quyết định 493.

- **Chỉ tiêu 2:** Phản ánh tổng số tiền dự phòng chung TCTD thực tế đã trích lập trong quý báo cáo.

- **Chỉ tiêu 3:** Phản ánh tổng số tiền dự phòng cụ thể TCTD phải trích lập trong quý báo cáo theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Quyết định 18.

- **Chỉ tiêu 4:** Phản ánh tổng số tiền dự phòng cụ thể TCTD thực tế đã trích lập trong quý báo cáo.

- **Chỉ tiêu 5:** Phản ánh số tiền dự phòng mà TCTD đã sử dụng để xử lý rủi ro trong quý báo cáo.

- **Chỉ tiêu 6:** Phản ánh số tiền dự phòng còn lại sau khi đã sử dụng để xử lý rủi ro tín dụng trong kỳ báo cáo.

- **Chỉ tiêu 7:** Phản ánh số tiền thu hồi được trong kỳ báo cáo đối với các khoản nợ sau khi đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.

- **Chỉ tiêu 8:** Phản ánh tổng số tiền đã xử lý rủi ro tín dụng nhưng chưa thu hồi được đến thời điểm báo cáo (số lũy kế).

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị liên hệ trực tiếp với Vụ Các ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước) qua số điện thoại: 04- 8269906 để xử lý. mk

(Tên TCTD báo cáo)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÁO CÁO****Tình hình thực hiện một số tỷ lệ bảo đảm an toàn
trong hoạt động của tổ chức tín dụng**

(Tháng năm 200....)

Kính gửi: Vụ Các ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ VND

STT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo
I	Vốn tự có	
1	Vốn cấp 1	
2	Vốn cấp 2	
3	Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	
II	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (%)	
1	Giá trị tài sản "Có" rủi ro nội bảng tương ứng của các cam kết bảo lãnh, tài trợ cho khách hàng	
2	Giá trị tài sản "Có" rủi ro nội bảng tương ứng của các hợp đồng giao dịch lãi suất, hợp đồng giao dịch ngoại tệ	
3	Giá trị tài sản "Có" rủi ro nội bảng	
III	Tỷ lệ về khả năng chi trả (%)	
1	Tổng tài sản "Có" có thể thanh toán ngay	
2	Tổng tài sản "Nợ" phải thanh toán	
IV	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung, dài hạn (%)	
1	Tổng nguồn vốn trung và dài hạn	
2	Số tiền đã đầu tư trung, dài hạn dưới các hình thức khác ngoài hình thức cho vay	
3	Tổng dư nợ cho vay trung, dài hạn	
4	Nguồn vốn ngắn hạn	

..., ngày tháng năm 200...

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)Người kiểm soát
(Ghi rõ họ tên)Tổng Giám đốc (Giám đốc) *du*
(Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập Biểu số 03/CNH:

1. Đối tượng báo cáo:

- Các tổ chức tín dụng
- Trường hợp ngân hàng nước ngoài có hai hoặc nhiều chi nhánh hoạt động tại Việt Nam, trong đó có một chi nhánh (gọi là Chi nhánh đầu mối) được ngân hàng nước ngoài ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó tại Việt Nam (theo quy định tại Điều 37 và khoản 4 Điều 38 của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP) thì Chi nhánh đầu mối có trách nhiệm thực hiện báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh không phải Chi nhánh đầu mối thì không phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước.

2. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Các Ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước.

3. Thời hạn gửi báo cáo:

Định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, trụ sở chính của tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu của toàn hệ thống (nếu là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài thì tổng hợp số liệu tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng trước (tháng báo cáo) của tất cả các chi nhánh trong cùng hệ thống) gửi báo cáo cho Vụ Các Ngân hàng.

4. Hướng dẫn báo cáo:

- Các chỉ tiêu báo cáo của biểu này phản ánh số dư cuối ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo

- Nội dung các chỉ tiêu tại Biểu này được tính toán theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tại các Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng (Quyết định số 457) và Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19/1/2007 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 457 (Quyết định số 03).

- **Chỉ tiêu I:** Vốn tự có được xác định theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước tại Công văn số 11331/NHNN-KTTC ngày 22/10/2007 về việc Hướng dẫn nguồn số liệu lấy từ Bảng cân đối tài khoản kế toán khi tính vốn tự có đối với các tổ chức tín dụng.

- **Chỉ tiêu II:** Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là tỷ số giữa Vốn tự có và Tổng tài sản Có rủi ro. Tổng tài sản Có rủi ro là tổng của các khoản sau:

- Giá trị tài sản có rủi ro nội bảng tương ứng của các cam kết bảo lãnh, tài trợ cho khách hàng (được xác định theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN và Điểm 4 Điều 1 Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN).
- Giá trị tài sản có rủi ro nội bảng tương ứng của các hợp đồng giao dịch lãi suất, hợp đồng giao dịch ngoại tệ (được xác định theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN).
- Giá trị tài sản có rủi ro nội bảng (được xác định bằng tổng giá trị các khoản mục quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN và Điểm 5, 6, 7 Điều 1 của Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN).

- **Chỉ tiêu III:** Tỷ lệ về khả năng chi trả.

Để lập các chỉ tiêu này, TCTD xây dựng bảng phân tích TSC có thể thanh toán ngay và các TSN phải thanh toán đối với từng loại đồng tiền, cho các khoảng thời gian quy định tại Điều 14 Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN và điền số liệu TSC có thể thanh toán ngay và TSN phải thanh toán cho từng ngày. TSC có thể thanh toán ngay và TSN phải thanh toán được tính cho mỗi ngày trong bảng phân tích bao gồm những TSC có thể thanh toán ngay theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN và những TSN phải thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN

Ví dụ: Ngày báo cáo là ngày 31/8/2006.

- Tỷ lệ của ngày ngay sau ngày báo cáo (ngày 01/9/2006) giữa TSC có thể thanh toán ngay và TSN phải thanh toán trong khoảng thời gian 1 tháng tiếp theo là tỷ lệ giữa TSC có thể thanh toán ngay vào ngày 01/9/2006 và tổng các TSN phải thanh toán trong khoảng thời gian 1 tháng tiếp theo, kể từ ngày 01/9/2006 đến ngày 30/9/2006.

- Tỷ lệ của ngày ngay sau ngày báo cáo (01/9/2006) giữa tổng TSC có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian 7 ngày tiếp theo và tổng TSN phải thanh toán trong khoảng thời gian 7 ngày tiếp theo là tỷ lệ giữa tổng TSC có thể thanh toán ngay của 7 ngày, kể từ ngày 01/9/2006 đến ngày 07/9/2006 và tổng TSN phải thanh toán của 7 ngày, kể từ ngày 01/9/2006 đến ngày 7/9/2006.

- **Chỉ tiêu IV:** Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung, dài hạn. Cách xác định tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn như sau:

- Bước 1: Xác định nguồn vốn trung hạn và dài hạn đã sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (ký hiệu là A) (lấy số âm): là phần chênh lệch giữa số dư tổng nguồn vốn trung hạn, dài hạn, (bao gồm: (i) Vốn tự có sau khi trừ đi (-) số tiền đã đầu tư, mua sắm TSCĐ (nguyên giá trừ đi khấu hao) và trừ đi (-) số tiền đã đầu tư vào doanh nghiệp, TCTD khác dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần; và (ii) Nguồn vốn trung hạn và dài hạn gồm số tiền đã huy động dưới các hình thức có kỳ hạn trung hạn và dài hạn, kể cả tiền gửi trung hạn và dài hạn của tổ chức và cá nhân) và số dư của các khoản đầu tư trung hạn và dài hạn bằng nguồn vốn trung hạn và dài hạn, dưới các hình thức khác ngoài hình thức cho vay.
- Bước 2: Xác định nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn (ký hiệu là B): là phần chênh lệch giữa tổng dư nợ cho vay trung hạn và dài hạn và (A).
- Bước 3: Xác định tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn đã sử dụng để cho vay trung hạn và dài hạn: là tỷ lệ giữa (B) và số dư nguồn vốn ngắn hạn, được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN.

(Tên TCTD báo cáo)

Biểu số 04/CSTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

CHO VAY TIÊU DÙNG CÁ NHÂN VÀ CHO VAY ĐẦU TƯ NHÀ Ở CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ

(Tháng ... năm 20...)

Kính gửi: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư
A/ Cho vay tiêu dùng cá nhân (=1+2)	
1/ Cho vay tiêu dùng ngắn hạn	
- Cho vay tiêu dùng nhà ở	
- Cho vay tiêu dùng phương tiện đi lại	
- Cho vay tiêu dùng khác	
2/ Cho vay tiêu dùng trung - dài hạn	
- Cho vay tiêu dùng nhà ở	
- Cho vay tiêu dùng phương tiện đi lại	
- Cho vay tiêu dùng khác	
B/ Cho vay đầu tư nhà ở của tổ chức kinh tế	
1/ Cho vay đầu tư nhà ở ngắn hạn	
2/ Cho vay đầu tư nhà ở trung - dài hạn	

....., ngày tháng năm 200...

Lập biểu

(Ghi rõ họ tên)

Kiểm soát

(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ họ tên người duyệt báo cáo)

Hướng dẫn lập Biểu số 03/CSTT :

- 1/ **Đối tượng báo cáo:** các TCTD (trừ Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở)
- 2/ **Đơn vị nhận báo cáo:** Vụ Chính sách tiền tệ (Ngân hàng Nhà nước)
- 3/ **Thời hạn gửi báo cáo:** định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, trụ sở chính các TCTD tổng hợp số liệu toàn hệ thống (nếu là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh NH nước ngoài thì

tổng hợp số liệu của các chi nhánh trong cùng hệ thống) và tạo file báo cáo (dạng chương trình phân mềm MS Excel) gửi Vụ Chính sách tiền tệ (Ngân hàng Nhà nước) qua địa chỉ email: phongtk@sbv.gov.vn

4/ Nội dung báo cáo:

*** Phần A “Cho vay tiêu dùng cá nhân”:**

Thống kê toàn bộ số dư nợ cho cá nhân vay để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân tại thời điểm ngày làm việc cuối cùng của tháng báo cáo, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu “Cho vay tiêu dùng nhà ở”:

Thống kê toàn bộ các khoản dư nợ cho cá nhân vay để sử dụng vào mục đích: xây nhà ở, thuê nhà ở, mua nhà ở (bao gồm cả nhà và đất), sửa chữa, hoàn thiện nhà ở, mua sắm các thiết bị gắn liền với nhà ở.

- Chỉ tiêu “Cho vay tiêu dùng phương tiện đi lại”:

Thống kê toàn bộ các khoản dư nợ cho cá nhân vay để sử dụng vào mục đích thuê, mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại phục vụ nhu cầu đi lại của cá nhân.

- Chỉ tiêu “Cho vay tiêu dùng khác”:

Thống kê toàn bộ các khoản dư nợ cho cá nhân vay khác (ngoài các khoản đã được thống kê vào 2 chỉ tiêu trên) để sử dụng vào mục đích chữa bệnh, học tập và phục vụ các nhu cầu sinh hoạt đời sống, *các khoản thấu chi thẻ mà chủ thẻ là cá nhân.*

*** Phần B “Cho vay đầu tư nhà ở của tổ chức kinh tế”:**

Thống kê toàn bộ các khoản dư nợ cho tổ chức kinh tế vay để sử dụng vào mục đích: xây nhà ở để bán hoặc cho thuê, xây dựng văn phòng để làm việc hoặc cho thuê, xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, mua sắm hoặc sửa chữa nhà cửa, các thiết bị gắn liền nhà ở, văn phòng để bán hoặc cho thuê.

Ghi chú: trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị các đơn vị liên hệ trực tiếp với Phòng Thống kê, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước qua số điện thoại 04-8265979/9342798 để xử lý.

(Tên TCTD báo cáo)

Biểu số 05/CSTT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
CHO VAY XUẤT - NHẬP KHẨU
(Tháng ... năm 20...)

Kính gửi: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Doanh số cho vay	Doanh số thu nợ	Dư nợ
1/ Cho vay xuất khẩu			
a- Cho vay ngắn hạn			
- Cho vay bằng VND			
- Cho vay bằng ngoại tệ (quy VND)			
b- Cho vay trung - dài hạn			
- Cho vay bằng VND			
- Cho vay bằng ngoại tệ (quy VND)			
2/ Cho vay nhập khẩu (ngoại tệ quy VND)			
a- Cho vay ngắn hạn			
b- Cho vay trung - dài hạn			

....., ngày tháng năm 200...

Lập biểu
(Ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn lập Biểu số 04/CSTT:

- 1/ Đối tượng báo cáo:** các TCTD (trừ Quỹ Tín dụng nhân dân cơ sở)
- 2/ Đơn vị nhận báo cáo:** Vụ Chính sách tiền tệ (Ngân hàng Nhà nước)
- 3/ Thời hạn gửi báo cáo:** định kỳ hàng tháng, chậm nhất vào ngày 15 tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, trụ sở chính các TCTD tổng hợp số liệu toàn hệ thống (nếu là chi nhánh đầu mối của các chi nhánh NH nước ngoài thì tổng hợp số liệu của các chi nhánh trong cùng hệ thống) và tạo file báo cáo (bằng

chương trình phần mềm MS Excel) gửi Vụ Chính sách tiền tệ (Ngân hàng Nhà nước) qua địa chỉ email: phongtk@sbv.gov.vn

4/ Nội dung báo cáo:

- Cho vay xuất khẩu: thống kê toàn bộ các khoản doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cho tổ chức, cá nhân trong nước vay đáp ứng nhu cầu vốn cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu và thực hiện các hoạt động hỗ trợ xuất khẩu (không bao gồm phần cho vay để thanh toán cho nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, máy móc, thiết bị, dịch vụ,... phục vụ nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu).

- Cho vay nhập khẩu: thống kê toàn bộ các khoản doanh số cho vay, doanh số thu nợ, dư nợ cho tổ chức, cá nhân trong nước vay để thanh toán cho nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh trong nước.

Ghi chú: Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần trao đổi, đề nghị các đơn vị liên hệ trực tiếp với Phòng Thống kê, Vụ Chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước qua điện thoại 04-8265979/9342798 để xử lý.